

Hà nội, ngày 12 tháng 5 năm 2015

Số: 946 /NQ-DMC

NGHỊ QUYẾT

V/v: Ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP;
Căn cứ Nghị Quyết số 850/NQ-DMC ngày 24/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty DMC được ban hành kèm theo Nghị quyết số 712/NQ-DMC ngày 16/10/2008 và các Phụ lục sửa đổi kèm theo Điều lệ này hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng/các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - DMC, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty thành viên của Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các UV.HĐQT DMC;
- BKS DMC;
- Các P.TGD DMC;
- Người được UQ CBTT;
- Lưu: VT, HĐQT.

MB

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Ngọc Khánh

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP**

Hà Nội, tháng 5 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1: Định nghĩa.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÔNG TY CON, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA DMC	5
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, công ty con, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của DMC	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DMC	5
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của DMC	5
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	8
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	8
Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 9: Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11: Quyền của cổ đông	10
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15: Các đại diện được ủy quyền	15
Điều 16: Thay đổi các quyền	15
Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18: Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19: Thẻ thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY	32
Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 29: Cán bộ quản lý	32
Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	32
Điều 31: Thư ký Tổng Công ty	34
IX. BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 32: Ban kiểm soát	35
Điều 33: Kiểm soát viên	36
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	38
Điều 34: Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý	38

Điều 35: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về lợi ích	38
Điều 36: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	40
Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TẠI DMC	40
Điều 38: Công nhân viên, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác	40
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	41
Điều 39: Cổ tức	41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 40: Tài khoản ngân hàng	41
Điều 41: Năm tài chính	42
Điều 42: Hệ thống kế toán	42
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	42
Điều 43: Báo cáo hàng năm, giữa niên độ và hàng quý	42
Điều 44: Báo cáo thường niên	43
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	43
Điều 45: Kiểm toán	43
XVII. QUAN HỆ GIỮA DMC VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	43
Điều 46: Quan hệ giữa DMC với Công ty con	43
Điều 47: Quan hệ giữa DMC với Công ty liên kết	45
Điều 48: Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp ở Công ty con, Công ty liên kết	45
XVIII. CON DẤU	46
Điều 49: Con dấu	46
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	46
Điều 50: Chấm dứt hoạt động	46
Điều 51: Thanh lý	46
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 52: Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	48
Điều 53: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 54: Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (dưới đây gọi tắt là “DMC”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ - DMC.

Điều lệ này được xây dựng và sửa đổi, bổ sung căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được QH nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 26/7/2012 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí thành Công ty cổ phần;
- Nghị quyết số 204b/NQ-DMC ngày 31/1/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần DMC về việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty cổ phần DMC thành mô hình Công ty mẹ - con;

Và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 24 tháng 4 năm 2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015. Điều lệ này thay thế bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông DMC thông qua tại Nghị quyết số 712/NQ - DMC ngày 16/10/2008 và các Phụ lục sửa đổi Điều lệ kèm theo, gồm 22 chương, 54 Điều, cụ thể như sau:

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. “DMC” có nghĩa là Công ty Mẹ - Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP.
- b. “Tập đoàn” có nghĩa là Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.
- c. “PVN” có nghĩa là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- d. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- e. “Vốn Điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của DMC quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- f. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

- g. “Ngày thành lập” là ngày DMC được thành lập theo Quyết định số 182/TC-DK ngày 08/3/1990 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Dầu khí.
- h. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 03/6/2008.
- i. “Chức danh quản lý chủ chốt” gồm: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban kiểm soát.
- j. Những người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp.
- k. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- l. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của DMC.
- m. “Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty” (sau đây viết tắt là doanh nghiệp thành viên) là các doanh nghiệp do Tổng công ty giữ quyền chi phối.
- n. “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của DMC” có nghĩa là cổ phần hoặc vốn góp của DMC chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.
- o. “Quyền chi phối ” là quyền của Tổng công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau:
- Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
 - Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
 - Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
 - Quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
 - Các quyền chi phối khác theo thỏa thuận giữa Tổng công ty và doanh nghiệp.
- p. “Công ty con của Tổng công ty” là các doanh nghiệp có cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài.
- q. “Công ty liên kết” có nghĩa là doanh nghiệp do DMC giữ cổ phần, góp vốn dưới mức chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài.
- r. “Đơn vị hạch toán phụ thuộc” có nghĩa là chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của DMC.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CÔNG TY CON, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA DMC

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, công ty con, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của DMC

1. Tên Tổng Công ty:
 - a. Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP.
 - b. Tên tiếng Anh: Drilling Mud Corporation.
 - c. Tên viết tắt: DMC.
2. Trụ sở đăng ký của DMC:
 - a. Trụ sở chính: Tầng 6-7 Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - b. Điện thoại: (84.4) 3 8562 861- 3 5140350.
 - c. Fax: (84.4) 3 8562552.
3. E-mail: dmc@pvdmc.com.vn.
4. Website: pvdmc.com.vn.
5. DMC thực hiện chế độ kế toán độc lập, được mở tài khoản tại ngân hàng, có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng và hoạt động theo quy định của pháp luật đối với Công ty cổ phần và theo Điều lệ này.
6. Biểu tượng (logo): màu xanh da trời, ngọn lửa màu đỏ theo logo của Tập đoàn dầu khí Việt Nam.
7. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của DMC.
8. DMC có thể thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của DMC phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
9. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tập đoàn là đại diện phần vốn Nhà nước tại DMC. Tập đoàn cử người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DMC

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của DMC

1. Lĩnh vực kinh doanh của DMC là:

1.1 Lĩnh vực Dịch vụ:

- a. Nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;

- b. Cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hóa kỹ thuật gia tăng tuổi thọ công trình công nghiệp;
- c. Đánh giá tác động môi trường và đưa ra các biện pháp xử lý môi trường;
- d. Dịch vụ phân tích, thí nghiệm dung dịch khoan và hoá phẩm trong thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa dầu khí; Dịch vụ phân tích vật lý và hoá học của dầu thô (thành phần hoá học, điểm đông, tính chất lưu biến, độ nhớt...); Dịch vụ lưu trữ, bảo quản mẫu cho phân tích thể tích nước vỉa/dầu chứa ở điều kiện áp suất cao, nhiệt độ cao;
- e. Vệ sinh các phương tiện vận tải, tàu thuyền, kho hàng, thiết bị, máy móc công nghiệp, bồn bể, súc rửa tàu dầu và các phương tiện chứa dầu;
- f. Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- g. Xử lý môi trường và chuyển giao công nghệ xử lý môi trường;
- h. Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước;
- i. Thiết kế hệ thống xử lý nước thải công trình dân dụng, công nghiệp;
- j. Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- k. Thoát nước và xử lý nước thải;
- l. Tái chế phế liệu;
- m. Thu gom, xử lý, tái chế các loại phế liệu và chất thải của ngành dầu khí;
- n. Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- o. Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- p. Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- q. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- r. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- s. Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

- a. Kinh doanh các hoá chất (trừ loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế;
- b. Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan;
- c. Xuất nhập khẩu hoá chất (trừ loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- d. Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp;
- e. Kinh doanh vật liệu xây dựng phục vụ dầu khí và các ngành kinh tế;
- f. Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học;
- g. Bán buôn hóa chất công nghiệp;

- h. Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polypropylen và các sản phẩm có liên quan;
- i. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan: Dầu nhờn;
- j. Bán buôn nhựa đường và các loại nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường; Bán buôn phôi sắt; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may;
- k. Khai thác mỏ và sản xuất, mua bán khoáng sản trong và ngoài nước (trừ loại Nhà nước cấm), kinh doanh thiết bị, máy móc phục vụ cho ngành khai thác khoáng sản và các ngành công nghiệp khác;
- l. Lập đề án tìm kiếm, thăm dò khoáng sản; Thi công tìm kiếm, thăm dò khoáng sản;
- m. Kinh doanh dịch vụ kho bãi và vận chuyển (logistics);
- n. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- o. Xây dựng và kinh doanh cao ốc;
- p. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- q. Kinh doanh các loại phân bón sản xuất trong và ngoài nước;
- r. Đại lý phân phối và kinh doanh các sản phẩm hàng tiêu dùng, đồ điện gia dụng, hàng hoá vật tư thiết bị, điện máy, điện tử;
- s. Đại lý bảo hiểm về lĩnh vực bảo hiểm xe, máy móc, con người;
- t. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

1.3 Lĩnh vực sản xuất:

Sản xuất các loại hoá chất (trừ các loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, nguyên liệu và các thiết bị phục vụ cho nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí và các ngành công nghiệp khác.

2. Mục tiêu hoạt động của DMC:

- a. Huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký.
- b. Không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông, thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển DMC.
- c. Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 1. DMC được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của DMC.

2. DMC có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của DMC là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của DMC được chia thành 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.
2. DMC có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của DMC vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.
4. DMC có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ tại DMC, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của DMC quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. DMC có thể mua cổ phần do chính DMC đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do DMC mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. DMC có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của DMC được cấp chứng nhận hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của DMC và chữ ký của đại diện theo pháp luật của DMC hoặc Người được ủy quyền theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của DMC hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của DMC, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho DMC chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho DMC.

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của DMC (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của DMC, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Phương án phát hành cổ phần hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu DMC được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Việc chuyển nhượng cổ phần của DMC theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Trong trường hợp cổ đông chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của DMC. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, số cổ phần đó sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
3. Trong trường hợp cổ đông là tổ chức, pháp nhân giải thể hoặc phá sản hoặc sáp nhập hoặc chia, tách, việc sở hữu các cổ phần sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh trực tiếp do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho DMC theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội

đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4,5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của DMC. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác chuyển giao cổ phần cho bên thứ ba.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không vượt quá mức quy định hiện hành của Nhà Nước) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi một cổ phần đã được thu hồi, thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của DMC bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu DMC, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của DMC trong phạm vi số vốn đã góp vào DMC.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ DMC, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp DMC giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào DMC sau khi DMC đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu DMC mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3, Điều 24 hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2, Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của DMC khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của DMC; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ DMC và các quy chế của DMC; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ

đồng có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi DMC dưới mọi hình thức, trừ trường hợp DMC hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong DMC phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DMC trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh DMC dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với DMC.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của DMC. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của DMC;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ DMC.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3.c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3.d và 3.e trên đây;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4.a thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4.b thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3.d của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do DMC chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển DMC;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - e. Lựa chọn công ty kiểm toán;

- f. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - g. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ DMC;
 - i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi DMC;
 - k. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) DMC và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho DMC và các cổ đông của DMC;
 - m. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản DMC hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của DMC và các chi nhánh của DMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - n. Quyết định mua lại trên 10% một loại cổ phần phát hành;
 - o. Quyết định việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - p. Chấp thuận việc DMC hoặc các chi nhánh của DMC ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của DMC và các chi nhánh của DMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của DMC.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của DMC;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và của từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của DMC, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại điểm p, khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ

đồng hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán;

- c. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15: Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của DMC và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với DMC).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp DMC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại 18 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của DMC sẽ không bị thay đổi khi DMC phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c, khoản 4, Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của DMC;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên website của DMC. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của DMC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3, Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất

phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho DMC ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 3, Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, DMC phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, DMC sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau: (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm DMC phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý của DMC;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của DMC;
 - e. Tổ chức lại, giải thể DMC.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Những nội dung thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại khoản 2, Điều 143 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của DMC.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình có thể được gửi dưới các hình thức: fax/email/gửi qua bưu điện đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký của các cổ đông và đồng thời đăng trên website của DMC. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của DMC;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về DMC phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của DMC.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến DMC theo một trong các hình thức sau:

Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về DMC qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về DMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý DMC. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của DMC, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Trong thời hạn hai mươi tư giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đồng thời công bố trên website của DMC theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; việc gửi Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông được thực hiện thông qua việc đăng tải trên website của DMC.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DMC.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Trong thời hạn hai mươi tư giờ kể từ thời điểm kết thúc đại hội, Biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đồng thời công bố trên website của DMC theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; việc gửi Biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đến các cổ đông được thực hiện thông qua việc đăng tải trên website của DMC.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của DMC.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ DMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ DMC.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 45 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người trong đó có ít nhất 3 (ba) người thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác

định theo phương thức làm tròn xuống. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có thể bầu ra một hoặc một số ủy viên Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách để thực hiện các công việc chuyên môn của Hội đồng quản trị. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị quy định.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được lựa chọn lần lượt theo thứ tự từ những người có tổng số phiếu bầu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên. Trong trường hợp có từ hai ứng cử viên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó để lựa chọn đúng số người cần chọn còn lại.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do DMC quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của DMC;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng phù hợp với quy định của pháp luật chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho

phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của DMC.

Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của DMC phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh DMC trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của DMC và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của DMC;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của DMC, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m và điểm p, khoản 1 Điều 14 Điều lệ này;

- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của DMC;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) hoặc giải thể DMC;
- h. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác;
- i. Quyết định việc tiếp nhận các doanh nghiệp tự nguyện tham gia liên kết với DMC;
- j. Quyết định việc tổ chức lại các đơn vị thành viên của DMC;
- k. Phê duyệt các quy chế quản lý nội bộ của DMC. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho Tổng Giám đốc ban hành một số quy chế quản lý trong trường hợp cần thiết để điều hành hoạt động của DMC;
- l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của DMC khi có đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương các chức danh trên;
- m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DMC nắm 100% vốn điều lệ theo đề nghị của Tổng Giám đốc DMC;
- n. Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của DMC khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của DMC. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- o. Cử người đại diện quản lý phần vốn của DMC tại các đơn vị thành viên và thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của DMC theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật;
- p. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của DMC trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của DMC;
- q. Giải quyết các khiếu nại của DMC đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của DMC để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- s. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của DMC trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- t. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- u. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

- v. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - w. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - x. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của DMC (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được DMC uỷ nhiệm là đại diện thương mại hoặc Luật sư của DMC;
 - c. Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của DMC;
 - d. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - e. Tổng quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương hàng năm của DMC;
 - f. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào DMC không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của DMC, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g. Quyết định việc DMC mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của DMC;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của DMC sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho DMC.
7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền lương hoặc thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức tiền lương cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách thực hiện theo Quy chế Tiền lương, tiền thưởng của DMC.

8. Tổng số tiền lương, thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của DMC; Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của DMC. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của DMC, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.
5. Thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
8. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư có quy mô thuộc quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của DMC để trình Hội đồng quản trị.
10. Các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và Điều lệ quy định.
11. Có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với DMC; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình DMC.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của DMC hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại DMC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp gửi thông báo họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không có đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b, khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của DMC. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

10
NG
D
HC
DÀI
C
A

- c. Theo quy định tại điểm b, khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b, khoản 4, Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với DMC và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với DMC, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.
13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

18. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, kế toán trưởng, cán bộ quản lý trong DMC, cán bộ quản lý trong các công ty con do DMC nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của DMC tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế thông tin do Hội đồng quản trị quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

19. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của DMC.

20. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài DMC trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của DMC.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý

DMC sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. DMC có một Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29: Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, DMC được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của DMC đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của DMC.
2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của DMC đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của DMC mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt DMC ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của DMC theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà DMC cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý này;
- d. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển của DMC; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành nghề do DMC kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm của DMC; kế hoạch phối hợp sản xuất-kinh doanh của DMC và Tập đoàn; các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các dự án đầu tư, phân bổ các nguồn lực, chuẩn bị các đề án tổ chức, quản lý; dự thảo Điều lệ, sửa đổi Điều lệ DMC, dự thảo các quy chế quản lý nội bộ của DMC; ban hành các quy chế quản lý nội bộ của DMC theo ủy quyền của Hội đồng quản trị; xây dựng, ban hành và kiểm tra thực hiện hệ thống chỉ tiêu, tiêu chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật, chất lượng sản phẩm; xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt tổng quỹ lương, đơn giá tiền lương; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính hợp nhất của DMC và các đề án, dự án khác...;
- e. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- f. Trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g. Quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản, các hợp đồng vay, cho vay, cho thuê và hợp đồng khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị và các quy định khác của pháp luật;
- h. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của DMC để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị;
- i. Quyết định tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, lương và phụ cấp đối với các chức danh theo phân cấp của Hội đồng quản trị;
- j. Ký kết các hợp đồng thương mại, dân sự trong phạm vi thẩm quyền. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Tổng

Giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- k. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện phần vốn góp của DMC ở doanh nghiệp khác;
 - l. Vào quý IV hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
 - m. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của DMC;
 - n. Được áp dụng các biện pháp cần thiết, vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp, và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan;
 - o. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của DMC, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
 - p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có 2/3 thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 31: Thư ký Tổng Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký DMC với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký DMC khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký DMC bao gồm:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản các cuộc họp;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- c. Tham dự các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;
- f. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- g. Hỗ trợ DMC trong xây dựng quan hệ với cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- h. Hỗ trợ DMC trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- i. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký DMC có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ DMC.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Ban kiểm soát

1. DMC phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, Điều 166 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, ngoài ra Ban Kiểm soát còn có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài DMC với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của DMC nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý DMC;
 - g. Xem xét báo cáo của DMC về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của DMC theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký DMC phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm

soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Ban kiểm soát có thể bổ nhiệm Kiểm soát viên mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
5. Mức thù lao cho các Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Kiểm soát viên sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động khác của Ban Kiểm soát.
6. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của DMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của DMC.

Điều 33: Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của DMC và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của DMC. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) Kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của DMC, không giữ chức vụ quản lý của Tổng công ty. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại DMC. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến

dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử hai ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được DMC quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Việc bầu mới Kiểm soát viên được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số Kiểm soát viên được bầu của Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được lựa chọn lần lượt theo thứ tự từ những người có tổng số phiếu bầu cao nhất trở xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên. Trong trường hợp có từ hai ứng cử viên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó để lựa chọn đúng số người cần chọn còn lại.

3. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ DMC, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của DMC và cổ đông của DMC;
- c. Trung thành với lợi ích của DMC và cổ đông DMC, không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của DMC, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của DMC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a,b,c và d Khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho DMC hoặc cho người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được đều phải hoàn trả cho DMC.

Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho DMC;
- c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Kiểm soát viên đó bị cách chức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 34: Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của DMC và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho DMC vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của DMC mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. DMC không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa DMC với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan của họ đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan của họ đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của DMC vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của DMC hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: DMC sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do DMC là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được DMC ủy quyền với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của DMC, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác thực rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của DMC, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của DMC được DMC bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do DMC là người khởi kiện) trong các trường hợp sau đây:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của DMC;
 - b. Tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận thực đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Những chi phí bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. DMC có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của DMC. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo bản chính giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của DMC, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của DMC vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. DMC sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết/biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được DMC cấp một bản Điều lệ DMC miễn phí. Điều lệ này được công bố trên website của DMC: pvdmc.com.vn.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC TẠI DMC

Điều 38: Công nhân viên, công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của DMC với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của DMC và quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản tại DMC hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác tại DMC hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.
4. DMC tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của mình.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39: Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của DMC.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của DMC.
3. DMC không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, DMC sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp DMC đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, DMC không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền DMC chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40: Tài khoản ngân hàng

1. DMC mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, DMC có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. DMC tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà DMC mở tài khoản.

Điều 41: Năm tài chính

Năm tài chính của DMC bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 42: Hệ thống kế toán

1. Chế độ kế toán DMC sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. DMC lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. DMC lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà DMC tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của DMC.
3. DMC sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43: Báo cáo hàng năm, giữa niên độ và hàng quý

1. DMC phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính g năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của DMC trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của DMC cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài báo cáo tài chính năm, DMC phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. DMC phải lập và công bố báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo quý và sáu tháng của DMC được công bố trên website: pvdmc.com.vn.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của DMC, tại trụ sở chính của DMC và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 44: Báo cáo thường niên

DMC phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 45: Kiểm toán

1. Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán DMC cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. DMC phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của DMC, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm với báo cáo tài chính năm của DMC.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán DMC được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
6. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán nội bộ hằng năm tại DMC khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm cổ phần chi phối.

XVII. QUAN HỆ GIỮA DMC VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 46: Quan hệ giữa DMC với Công ty con

1. Quan hệ giữa DMC với Công ty con là Công ty TNHH một thành viên (100% vốn DMC):

DMC là chủ sở hữu đối với Công ty con là Công ty TNHH một thành viên do DMC thành lập. DMC thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định của Pháp luật liên quan.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, Hội đồng Quản trị có quyền:

- a. Phê chuẩn việc thành lập Công ty con TNHH một thành viên, Điều lệ Công ty con TNHH một thành viên và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty của Công ty con TNHH1TV theo đề nghị Tổng Giám đốc;
 - b. Ban hành Quy chế quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc liên quan đến việc thực hiện quyền của chủ sở hữu tại Công ty con TNHH1TV;
 - c. Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc trong phạm vi quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc ký ban hành các quyết định, quy chế hoặc văn bản với tư cách là đại diện của chủ sở hữu tại Công ty con TNHH1TV.
2. Quan hệ giữa DMC với công ty con có vốn góp chi phối của DMC (Công ty cổ phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên):
- a. DMC thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông chi phối tại Công ty con bị chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con bị chi phối;
 - b. DMC trực tiếp quản lý vốn góp chi phối ở công ty con bị chi phối thông qua người đại diện phần vốn góp của DMC;
 - c. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Hội đồng Quản trị có quyền phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức người đại diện phần vốn góp của DMC ở Công ty con bị chi phối;
 - d. Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc trong phạm vi quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc ký ban hành các quyết định, quy chế hoặc văn bản liên quan đến người đại diện phần vốn góp của DMC tại các công ty con bị chi phối.
3. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thoả thuận với công ty con, gây thiệt hại cho công ty con thì DMC phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó:
- a. Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng không bình đẳng và bất lợi đối với công ty này;
 - b. Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do DMC nắm giữ 100% vốn điều lệ theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại công ty;
 - c. Quyết định các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đối với công ty con trái với Điều lệ và pháp luật, giao nhiệm vụ của DMC cho công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện tham gia liên kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp này;
 - d. Buộc công ty con cho DMC hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để DMC, công ty con khác thực hiện các hợp đồng có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty đó.

4. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa DMC với Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập. Các mối quan hệ cụ thể giữa DMC với Công ty con và ngược lại sẽ được thể hiện trong các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với từng đơn vị và được Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở thực hiện.
5. Tên gọi của các công ty con của DMC phải phù hợp với tên gọi của DMC, thể hiện được thương hiệu của DMC theo quy định thống nhất của DMC, mang đặc trưng ngành nghề và văn hoá DMC. Thương hiệu của DMC có thể được định giá thành tiền để chuyển thành vốn góp của DMC vào vốn điều lệ của các đơn vị thành viên.
6. Các quyền và nghĩa vụ cụ thể khác của DMC đối với các Công ty con được quy định tại Điều lệ này và Điều lệ của các công ty đó.
7. Các Công ty con hạch toán, báo cáo, quản lý theo điều lệ và các quy chế của công ty và DMC.

Điều 47: Quan hệ giữa DMC với Công ty liên kết

1. DMC thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết, tự nguyện tham gia liên kết theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và điều lệ của các công ty đó. Quan hệ của DMC với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thoả thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thoả thuận khác.
2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với DMC và các đơn vị thành viên khác theo thoả thuận liên kết giữa công ty đó với DMC.

Điều 48: Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp ở Công ty con, Công ty liên kết

1. Người đại diện phần vốn góp của DMC ở Công ty con, công ty liên kết là người do DMC cử làm đại diện phần vốn góp của DMC ở Công ty con, Công ty liên kết. Người đại diện phần vốn góp của DMC ở Công ty con, Công ty liên kết có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong công ty con, công ty liên kết;
 - b. Tham gia ứng cử hoặc đề cử người đại diện của DMC vào bộ máy quản lý điều hành của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Điều lệ, quy chế của Công ty con, Công ty liên kết;
 - c. Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty về tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, kết quả hoạt động của Công ty con, công ty liên kết và hiệu quả sử dụng phần vốn góp của DMC;
 - d. Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của DMC;

- e. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty về hiệu quả sử dụng vốn góp của DMC tại các Công ty con, công ty liên kết mà mình được cử làm đại diện;
 - f. Tiền lương, phụ cấp, thưởng và quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của DMC ở doanh nghiệp khác do DMC chi trả hoặc doanh nghiệp đó chi trả theo quy định trong Điều lệ doanh nghiệp;
 - g. Người đại diện phần vốn của DMC ở doanh nghiệp khác không được cùng lúc hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ khác ở cả hai nơi.
2. Hội đồng quản trị DMC ban hành quy chế phân cấp cho người đại diện phần vốn của DMC tại các công ty con, công ty liên kết.

XVIII. CON DẤU

Điều 49: Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của DMC và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50: Chấm dứt hoạt động

1. DMC có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố DMC phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể DMC trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51: Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể DMC, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên DMC hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được DMC ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của DMC.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt DMC trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý DMC trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà DMC phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của DMC;
4. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. Sau khi có quyết định giải thể DMC, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên DMC hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được DMC ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của DMC.
5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt DMC trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý DMC trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà DMC phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của DMC;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của DMC hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với DMC; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý,



Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của DMC chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của DMC.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54: Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông DMC nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2015 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước; 01 bản gửi Sở giao dịch chứng khoán; 01 bản gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - b. 02 bản lưu trữ tại Văn phòng DMC.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của DMC.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ DMC phải có chữ ký của Tổng giám đốc mới có giá trị.